TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỐNG NHẤT** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **24**/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 29-5-2024
V/v: "*Ly hôn".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Xuân
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Lan
Bà Nguyễn Thị Thắm

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Quách Thị Khuyến - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 38/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2023, về việc "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2024/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Trần Thị N**, sinh năm 1972.
HKTT: **Nguyễn Văn Hải**, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.
Nơi cư trú hiện nay: Khu phố L, thị trấn D, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1968.
Địa chỉ: Khu phố P, thị trấn D, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.
(Ông N xin vắng mặt, ông H vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Trần Thị N trình bày:
Về quan hệ hôn nhân: Ông N và ông H kết hôn với nhau từ năm 1999, có đăng ký kết hôn, có tổ chức đám cưới, hôn nhân là tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn rồi bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là vợ chồng bất đồng quan điểm và lối sống, giữa vợ chồng không có tiếng nói chung dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra bất hòa. Hiện hai vợ chồng đã sống ly thân mỗi người đều có cuộc sống riêng, không còn quan tâm chăm sóc cho nhau nữa. Nay bà nhận thấy tình cảm

với ông H không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn H.

Về con chung: Trong quá trình bà và ông H sống chung có 03 người con là Nguyễn Đăng K, sinh ngày 09/12/1999, Nguyễn Văn H, sinh ngày 26/02/2004, Nguyễn Thị Mỹ V, sinh ngày 23/8/2001. Hiện các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Theo Ông N trình bày là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng và giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho ông Nguyễn Văn H đến Tòa làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Nguyễn Văn H vắng mặt không có lý do nên không có lời khai.

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện theo đúng quy định.

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn đã được Tòa án tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/4/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2024/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2024, nhưng ông H vắng mặt không lý do, đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông N, ông H.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của bà Yến. Về con chung: Có 03 con chung là *Về con chung*: Trong quá trình bà và ông H sống chung có 03 người con là Nguyễn Đăng K, sinh ngày 09/12/1999, Nguyễn Văn H, sinh ngày 26/02/2004, Nguyễn Thị Mỹ V, sinh ngày 23/8/2001. Hiện các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung không đặt ra giải quyết. Ông N phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về tố tụng**:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết*: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là "*Ly hôn*"; bị đơn đang cư trú tại Khu phố P, thị trấn D, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] ***Về việc xét xử vắng mặt đương sự*:**

Nguyên đơn bà Trần Thị N gửi đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Tòa án đã tiến hành tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 04 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2024/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2024, để tham gia phiên tòa nhưng ông H vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng Dân sự giải quyết vụ án theo thủ tục chung, xử vắng mặt Bà Trần Thị N và ông Nguyễn Văn H.

[2] **Về nội dung vụ án:**

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Trần Thị N và ông Nguyễn Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đã được Ủy ban nhân xã Xuân Thạnh, huyện Long Khánh, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 06 ngày 25/01/1999 nên áp dụng Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 xác định là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn: Theo ông N trình bày sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian rồi bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, lối sống. Mặc dù sống chung một nhà nhưng hiện cả hai đã sống ly thân không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc cho nhau. Tòa án cũng đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho ông Nguyễn Văn H đến Tòa làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho ông H nhưng ông vẫn vắng mặt, cho thấy ông H không muốn níu kéo cuộc hôn nhân này. Mặt khác, theo Biên bản xác minh tình trạng hôn nhân giữa ông N và ông H mà chính quyền địa phương cho biết: "Vợ chồng ông N, ông H sống chung tại khu phố Phan Bội Châu, thị trấn Dầu Giây, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai trong quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nhưng nguyên nhân cụ thể là gì thì địa phương không nắm rõ do đương sự không trình báo. Hiện ông H và ông N đã sống ly thân".

Xét thấy mâu thuẫn giữa ông N và ông H đã thật sự trầm trọng, không có khả năng hàn gắn đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc ông N xin ly hôn với ông H là có cơ sở. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị N.

[2.2] *Về con chung*: Có 03 con chung là *Về con chung*: Trong quá trình bà và ông H sống chung có 03 người con là Nguyễn Đăng K, sinh ngày 09/12/1999, Nguyễn Văn H, sinh ngày 26/02/2004, Nguyễn Thị Mỹ V, sinh ngày 23/8/2001. Hiện các con chung đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết.

[2.3] *Về tài sản chung*: Theo ông N, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do bị đơn vắng mặt chưa có lời khai về tài sản chung, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.4] *Về nợ chung*: Theo ông N trình bày là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do bị đơn vắng mặt chưa có lời khai về nợ chung, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] *Về án phí*: Ông N phải chịu 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 203, Điều 220, Điều 227, Điều 238, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình năm 1986; Điều 51, Điều 56 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị N được ly hôn với ông Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: Có 03 con chung *Về con chung*: Trong quá trình bà và ông H sống chung có 03 người con là Nguyễn Đăng K, sinh ngày 09/12/1999, Nguyễn Văn H, sinh ngày 26/02/2004, Nguyễn Thị Mỹ V, sinh ngày 23/8/2001. Hiện các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

5. Về án phí: Bà Trần Thị N phải chịu tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đồng *(Ba trăm nghìn đồng*) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí là 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền số 0007934 ngày 10/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND H.Thống Nhất;
- Chi cục THADS H.Thống Nhất;
- UBND xã Xuân Thiện (số ĐKKH 99 ngày 21/12/2018);
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Thanh Xuân